

THÔNG BÁO

Tuyển sinh vào đại học hệ chính quy theo hình thức xét học bạ Đợt bổ sung lần 1 năm 2019

Đại học Đà Nẵng thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ đại học hệ chính quy vào các trường đại học thành viên, phân hiệu, viện, khoa trực thuộc (sau đây gọi là cơ sở đào tạo) Đợt bổ sung lần 1 năm 2019, theo hình thức xét học bạ như sau :

1. Ngành đào tạo, chỉ tiêu và tiêu chí xét tuyển

Danh mục các ngành tuyển sinh đào tạo, chỉ tiêu và tiêu chí xét tuyển được qui định trong Phụ lục đính kèm.

2. Vùng tuyển, đối tượng và chính sách ưu tiên

- Vùng tuyển: tuyển sinh trong cả nước.
- Đối tượng: thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- Chính sách ưu tiên: theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

3. Nguyên tắc đăng ký và xét tuyển

3.1. Nguyên tắc đăng ký

- Thí sinh được đăng ký tối đa 05 nguyện vọng trong Đơn đăng ký xét tuyển (mẫu 1B). Các ngành đăng ký trong danh mục các ngành xét tuyển theo học bạ tại Phụ lục đính kèm, thuộc cùng một cơ sở đào tạo hoặc nhiều cơ sở đào tạo khác nhau thuộc Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN).

- Thí sinh sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất. Các nguyện vọng không đầy đủ thông tin hoặc thông tin không chính xác sẽ không được xét.

- Thí sinh không được điều chỉnh nguyện vọng, không được bổ sung nguyện vọng đăng ký sau khi đã nộp hồ sơ (trực tiếp hoặc qua đường bưu điện). Mỗi thí sinh chỉ nộp 01 hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT); trường hợp thí sinh nộp nhiều hơn 01 hồ sơ ĐKXT thì các hồ sơ nộp sau (tính theo thời điểm nộp) không được xét.

3.2. Nguyên tắc xét tuyển

- Đối với từng ngành, các thí sinh được xét tuyển bình đẳng theo điểm xét tuyển, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký.

- Đối với mỗi thí sinh, nếu đăng ký xét tuyển vào nhiều ngành thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào 01 nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng ký.

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các môn học/môn thi năng khiếu theo thang điểm 10 cộng với điểm ưu tiên khu vực, ưu tiên đối tượng theo qui định của Quy chế tuyển sinh, được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Điểm môn học dùng để xét tuyển là điểm trung bình học kỳ I và học kỳ II năm lớp 12 của môn học trong tổ hợp xét. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì xét trúng tuyển theo tiêu chí phụ qui định tại Phụ lục của thông báo này, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên cho thí sinh có nguyện vọng cao hơn.

- Thí sinh không cung cấp minh chứng để hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng hoặc minh chứng không hợp lệ sẽ không được cộng điểm ưu tiên.

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời gian qui định của ĐHQĐN. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học và Đại học Đà Nẵng xét tuyển thí sinh khác trong đợt xét tuyển bổ sung hoặc hình thức xét tuyển khác.

4. Hồ sơ và lệ phí đăng ký xét tuyển

4.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển

Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký xét tuyển (Mẫu 1B) có đầy đủ thông tin theo quy định. Thí sinh tải mẫu đơn hoặc đăng ký online và in đơn trên trang tuyển sinh của ĐHQĐN tại địa chỉ <http://ts.udn.vn>;

- Bản photocopy chứng minh nhân dân;
- Bản photocopy chứng nhận tốt nghiệp THPT;
- Bản photocopy học bạ THPT;
- Biên lai nộp lệ phí ĐKXT (đối với thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp tại điểm nhận hồ sơ) hoặc bản photo biên lai chuyển lệ phí ĐKXT qua bưu điện (đối với thí sinh nộp hồ sơ qua bưu điện) hoặc minh chứng chuyển lệ phí qua tài khoản;
- Minh chứng được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng (nếu đăng ký hưởng ưu tiên).

4.2. Lệ phí đăng ký xét tuyển

Lệ phí đăng ký xét tuyển: **30.000 đ/nguyên vọng.**

4.3. Cách nộp lệ phí đăng ký xét tuyển

Thí sinh chọn một trong ba hình thức nộp lệ phí đăng ký xét tuyển:

Cách 1: Nộp trực tiếp tại điểm nhận hồ sơ.

Cách 2: Chuyển qua bưu điện đến địa điểm nhận hồ sơ ở mục 5.2.

Cách 3: Chuyển lệ phí vào tài khoản của ĐHQĐN theo thông tin sau:

Tài khoản nhận: **113000176350**

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, chi nhánh Đà Nẵng (VietinBank, CN Đà Nẵng).

Lưu ý: Thí sinh cần ghi rõ thông tin khi chuyển lệ phí

ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THEO HỌC BẠ VÀO ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Họ và tên thí sinh; Ngày sinh; Số điện thoại liên hệ.

5. Nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển

5.1. Thời gian nhận hồ sơ

Từ ngày **09/8/2019** đến **17h00 ngày 15/8/2019** (tính theo dấu bưu điện).

5.2. Địa điểm nhận hồ sơ

Thí sinh nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến một trong hai địa điểm sau (*ưu tiên nộp hồ sơ vào cơ sở đào tạo đăng ký xét tuyển nguyên vọng 1*):

Địa điểm số 1: Chọn một trong số các cơ sở đào tạo đăng ký xét tuyển:

1) TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

459 Tôn Đức Thắng, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

2) TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT

48 Cao Thắng, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3) VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VIỆT-ANH

158A Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4) PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TẠI KON TUM

704 Phan Đình Phùng, TP. Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

5) KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Đô thị ĐH Đà Nẵng, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng.

Địa điểm số 2:

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG - Ban Đào tạo

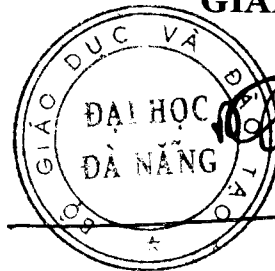
41 Lê Duẩn, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Muốn biết thêm chi tiết, thí sinh vui lòng truy cập trang Tuyển sinh của Đại học Đà Nẵng tại địa chỉ <http://ts.udn.vn> hoặc liên hệ với Ban Đào tạo, Đại học Đà Nẵng, số 41 Lê Duẩn, Tp. Đà Nẵng, điện thoại: 0236.3835345 (bấm số 1)/. *zmu*

Nơi nhận:

- Các CSĐT xét học bạ (để p/h);
- VP, Ban KHTC (để p/h);
- Lưu: VT, ĐT.

GIÁM ĐỐC



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Vũ

Phụ lục
THÔNG TIN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2019 THEO HÌNH THỨC XÉT HỌC BẠ

(Kèm theo Thông báo tuyển sinh số 2318/TB-ĐHDN ngày 30/7/2019 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng)

Bổ sung lần 1 từ 09/8 đến 15/8/2019

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
I	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM	DDS	325				
1	Công nghệ sinh học	7420201	30	1. Sinh học + Hóa học + Toán 2. Sinh học + Toán + Tiếng Anh 3. Toán + Vật lý + Hóa học	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
2	Vật lý học (Chuyên ngành Điện tử-Công nghệ Viên thông)	7440102	25	1. Vật lý + Toán + Hóa học 2. Vật lý + Toán + Tiếng Anh 3. Vật lý + Toán + Sinh học	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
3	Hóa học, gồm các chuyên ngành: 1. Hóa Dược; 2. Hóa Dược (tăng cường Tiếng Anh); 3. Hóa phân tích môi trường	7440112	30	1. Hóa học + Toán + Vật lý 2. Hóa học + Toán + Tiếng Anh 3. Hóa học + Toán + Sinh học	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
4	Khoa học môi trường	7440301	25	1. Hóa học + Toán + Vật lý 2. Hóa học + Toán + Tiếng Anh 3. Hóa học + Toán + Sinh học	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
5	Toán ứng dụng, gồm các chuyên ngành: 1. Toán ứng dụng (chuyên ngành Tinh toán và lập trình); 2. Toán ứng dụng (tăng cường tiếng Anh)	7460112	25	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
6	Văn học	7229030	20	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + GDĐC + Toán 4. Ngữ văn + GDĐC + Tiếng Anh	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
7	Lịch sử (chuyên ngành Quan hệ quốc tế)	7229010	20	1. Lịch sử + Ngữ văn + Địa lý 2. Lịch sử + Ngữ văn + GDĐC 3. Lịch sử + Ngữ văn + Tiếng Anh	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
8	Văn hoá học	7229040	25	1. Ngữ văn + Lịch sử + Địa lý 2. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + GDĐC + Toán 4. Ngữ văn + GDĐC + Tiếng Anh	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
9	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	25	1. Sinh học + Toán + Hóa học 2. Sinh học + Toán + Tiếng Anh 3. Hóa học + Toán + Vật lý	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp >=15,00	

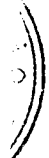
TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã DKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
10	Công nghệ thông tin (đặc thù)	7480201DT	100	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Không	Tổng 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
II	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT	DSK	75				
1	Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp (chuyên ngành theo 15 ngành đào tạo tại Trường)	7140214	15	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn 3. Toán + Hóa học + Ngữ văn 4. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Ưu tiên môn Toán	Theo quy định của Bộ GD&ĐT	
2	Sinh học ứng dụng	7420203	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
6	Công nghệ kỹ thuật giao thông (Chuyên ngành Xây dựng cầu đường)	7510104	5	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	7510302	5	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
5	Công nghệ vật liệu	7510402	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
6	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
7	Kỹ thuật thực phẩm	7540102	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	
8	Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	7580210	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Hóa học + Sinh học 4. Toán + Tiếng Anh + Ngữ văn	Ưu tiên môn Toán	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 18,00$ và không có môn nào $< 5,00$	

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
III	PHÂN HIỆU KON TUM	DDP	260				
1	Quản lý nhà nước	7310205	20	1. Toán + Địa lý + GDCC 2. Toán + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 4. Toán + Ngữ văn + GDCC	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
2	Quản trị kinh doanh	7340101	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Địa lý 4. Toán + Địa lý + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
3	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	40	1. Toán + Địa lý + GDCC 2. Toán + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 4. Toán + Ngữ văn + GDCC	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
4	Tài chính - Ngân hàng	7340201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Địa lý 4. Toán + Địa lý + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
5	Kế toán	7340301	40	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Địa lý 4. Toán + Địa lý + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
6	Luật kinh tế	7380107	40	1. Toán + Địa lý + GDCC 2. Toán + Địa lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Địa lý + Tiếng Anh 4. Toán + Ngữ văn + GDCC	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
7	Công nghệ thông tin	7480201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Sinh học 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Sinh học + Địa lý	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
8	Công nghệ sinh học	7420201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Sinh học 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Sinh học + Địa lý	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	
9	Kỹ thuật xây dựng (Chuyên ngành Xây dựng dân dụng & công nghiệp)	7580201	20	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Sinh học 3. Toán + Vật lý + Địa lý 4. Toán + Sinh học + Địa lý	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp $\geq 15,00$	

TT	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	GHI CHÚ
IV	VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ĐÀO TẠO VIỆT - ANH		50				
1	Quản trị và Kinh doanh quốc tế	7340124	20	1. Toán + Tiếng Anh + Ngữ Văn 2. Toán + Vật lý + Hóa học 3. Toán + Ngữ Văn + Vật lý 4. Toán + Tiếng Anh + Vật lý	Không		
2	Khoa học và Kỹ thuật Máy tính	7480204	10	1. Toán + Ngữ Văn + Tiếng Anh 2. Toán + Vật lý + Hóa học 3. Toán + Ngữ Văn + Vật lý 4. Toán + Vật lý + Tiếng Anh	Không	1. ĐXT >=18,00 2. Bài tự luận cá nhân xếp loại ĐẠT 3. Tham gia phỏng vấn của hội đồng tuyển sinh Viện Nghiên cứu và Đào tạo Việt - Anh và xếp loại ĐẠT	
3	Khoa học Y sinh	7420204	10	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Hóa học + Sinh học 3. Toán + Hóa học + Tiếng Anh 4. Toán + Sinh học + Tiếng Anh	Không		
4	Khoa học Dữ liệu (Đặc thù)	7480205DT	10	1. Toán + Ngữ Văn + Tiếng Anh 2. Toán + Vật lý + Hóa học 3. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 4. Toán + Tiếng Anh + Sinh học	Không		
V	KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	DDI	40				
1	Công nghệ thông tin (Đào tạo đặc thù)	7480201DT	30	1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Toán + Ngữ văn + Tiếng Anh 4. Toán + Hóa học + Tiếng Anh	Không	Tổng điểm 3 môn theo tổ hợp >=15,00	
2	Công nghệ kỹ thuật máy tính	7480108	10				

Ghi chú:

- Điểm xét tuyển (ĐXT) = Tổng điểm các môn trong tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên;
- Điểm môn học dùng để xét tuyển là điểm trung bình học kỳ I và học kỳ II năm lớp 12, làm tròn đến 2 số lẻ;
- Trường ĐH SPKT: Tất cả các ngành chỉ tổ chức đào tạo nếu số lượng trúng tuyển lớn hơn 20. Trường hợp ngành có số lượng trúng tuyển dưới 20, sinh viên được phép đăng ký chuyển sang ngành đào tạo khác có điểm trúng tuyển thấp hơn điểm trúng tuyển ngành đã đăng ký;
- Trường ĐHSP: Chỉ tổ chức đào tạo nếu số lượng thí sinh trúng tuyển vào các ngành Chất lượng cao là trên 10 và các ngành còn lại là trên 15 thí sinh.
- Phân hiệu Kon Tum: Số lượng sinh viên tối thiểu để mở ngành >= 15



202